



Đánh giá tác động của đổi mới sáng tạo đối với thu nhập dân cư và khuyến nghị chính sách: góc nhìn từ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương

PHAN THỊ BÍCH NGUYỆT ^a, PHẠM DƯƠNG PHƯƠNG THẢO ^a, NGUYỄN THỊ HỒNG NHÂM ^a,
LÊ VĂN ^{*, a}

^a Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 02/12/2024 Ngày nhận lại: 06/02/2025 Duyệt đăng: 06/02/2025 Mã phân loại JEL: O31; O38; O15; R23. Từ khóa: Đổi mới sáng tạo; Thu nhập dân cư; Chỉ số địa phương. Keywords: Innovation; Population income; Provincial index.	Bài viết đánh giá tác động của các thành phần trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương đối với thu nhập bình quân và các nhóm thu nhập (từ nhóm 1 đến nhóm 5) của 63 tỉnh thành Việt Nam trong năm 2023. Với phương pháp hồi quy tuyến tính, kết quả thực nghiệm cho thấy thu nhập dân cư có ảnh hưởng cùng chiều với cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển thị trường, trình độ phát triển doanh nghiệp, sản phẩm tri thức - sáng tạo - công nghệ và các tác động của đổi mới sáng tạo. Từ đó, kết quả nghiên cứu chỉ ra những yếu tố mà mỗi địa phương cần cải thiện nhằm nâng cao chất lượng đổi mới sáng tạo và cải thiện thu nhập dân cư, đó là các yếu tố về thể chế, nguồn vốn con người, nghiên cứu và phát triển. Kết quả của bài viết nêu lên những khuyến nghị chính sách góp phần cải thiện năng lực đổi mới sáng tạo của từng địa phương. Trong đó, chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đổi mới sáng tạo cũng như thu nhập dân cư. Abstract This article assesses the impact of components in the provincial innovation index on average income and income groups (from groups 1 to 5) of 63 provinces and cities in 2023. We employ the linear regression method to evaluate impacts of provincial innovation sub-

* Tác giả liên hệ.

Biên tập viên: Trần Lê Thùy Duyên.

Email: nguyetcdn@ueh.edu.vn (Phan Thị Bích Nguyệt); pdpthao@ueh.edu.vn (Phạm Dương Phương Thảo); nhamnth@ueh.edu.vn (Nguyễn Thị Hồng Nhâm); levan@ueh.edu.vn (Lê Văn).

Trích dẫn bài viết: Phan Thị Bích Nguyệt, Phạm Dương Phương Thảo, Nguyễn Thị Hồng Nhâm, & Lê Văn. (2024). Đánh giá tác động của đổi mới sáng tạo đối với thu nhập dân cư và khuyến nghị chính sách: góc nhìn từ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 35(12), 26-37.

indexes on levels of national income of Vietnam. The empirical results show that population income has a positive impact on indicators of infrastructure, market development, business development, knowledge-creative-technology products and the impacts of innovation. Results indicate factors that each local authority needs to improve the quality of innovation and improve population income, which are factors of institutions, human capital, and research and development. In accordance with empirical findings, we propose policy recommendations to improve the innovation capacity of each locality, such as: (i) high-quality human resources; (ii) international cooperation in training; and (iii) promoting scientific, technological, and innovative activities. In particular, local authorities play an important role in improving the quality of innovation as well as people's income.

1. Giới thiệu

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021–2030 trong bối cảnh 40 năm sau đổi mới đất nước (1986–2026). Trong đó, đổi mới sáng tạo được xem là nhân tố quan trọng tác động đối với sản xuất kinh doanh và kinh tế - xã hội. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh tầm quan trọng của đổi mới sáng tạo cũng như nêu bật những chiến lược trọng tâm để phát triển nhân tố này, đó là: phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; hợp tác quốc tế về đào tạo; đẩy mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Theo quan điểm kinh tế học hiện đại, đổi mới sáng tạo gắn liền với công nghệ và tri thức quản trị là nhóm nhân tố nền tảng của tăng trưởng sản xuất dẫn đến phát triển kinh tế (Mankiw, 2020). Trong đó, đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng tạo nên các nhân tố năng suất tổng hợp, điều này tương đồng với mô hình tăng trưởng kinh tế kinh điển của Robert Solow (Solow, 1956). Các mô hình lý thuyết về tăng trưởng kinh tế đã tạo nên cơ sở nền tảng cho các nghiên cứu về công nghệ - tri thức quản trị cũng như đổi mới sáng tạo. Mặt khác, các mô hình lý thuyết thường gặp phải nhiều ý kiến tranh luận đến từ cả giới học thuật và ứng dụng thực tiễn.

Kế thừa khung lý thuyết về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Dutta & Lanvin, 2012), Việt Nam lần đầu tiên xây dựng thành công chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương với 7 trụ cột chính, trong đó có 5 yếu tố đầu vào và 2 yếu tố đầu ra. Việc ban hành bộ dữ liệu đổi mới sáng tạo của 63 tỉnh thành cho phép đánh giá các hoạt động đổi mới sáng tạo cũng như tác động của đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế. Theo đó, bài viết này đánh giá tác động của đổi mới sáng tạo đối với thu nhập dân cư của 63 tỉnh thành trong năm 2023. Để làm rõ tác động của đổi mới sáng tạo, nhóm tác giả phân tích tác động của từng thành phần trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (bao gồm 5 thành phần đầu vào và 2 thành phần đầu ra) đối với thu nhập bình quân cũng như từng nhóm thu nhập (từ nhóm 1 đến nhóm 5) của mỗi tỉnh thành. Từ kết quả nghiên cứu có được, bài viết kỳ vọng khuyến nghị chính sách liên quan đến việc tổng kết giai đoạn 2021–2025 và định hướng phát triển giai đoạn 2026–2030. Nhóm tác giả cũng kỳ vọng những khuyến nghị chính sách trong bài viết này sẽ đóng góp vào Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

2. Tổng quan những nghiên cứu trước đây

Tiếp nối vai trò các nhân tố năng suất tổng hợp đối với phát triển kinh tế (Solow, 1956), những biểu hiện cụ thể của nhân tố công nghệ - tri thức quản trị sẽ là điểm gạch nối hoàn hảo giữa lý thuyết và thực tiễn. Liên quan đến vấn đề này, nhóm nghiên cứu của Đại học Oxford đã đưa ra ý kiến rằng hiện thân của các nhân tố năng suất tổng hợp chính là đổi mới sáng tạo trong công nghệ và cơ cấu tổ chức (Verspagen, 2005). Hơn nữa, đổi mới sáng tạo về công nghệ chính là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, đặc biệt đối với sự phát triển vượt bậc trong thời gian dài của những nền kinh tế phát triển nhất toàn cầu như Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (Rosenberg, 2006). Bên cạnh đó, đổi mới sáng tạo về quản trị tổ chức sẽ có những tác động khác nhau tùy thuộc vào tri thức quản trị và quy mô nền kinh tế (Wong và cộng sự, 2005). Nhìn chung, đổi mới sáng tạo là một tác nhân tích cực đối với cả công nghệ và tri thức quản trị trong việc tăng năng suất nhằm tăng trưởng kinh tế. Sự tương tác của đổi mới sáng tạo đối với công nghệ và tri thức quản trị có thể tạo ra những tác động tích cực khác nhau đối với nền kinh tế, tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định như điều kiện địa lý, quy mô của nền kinh tế, chính sách vĩ mô (Audretsch, 2006) và thể chế thị trường (Tebaldi & Elmslie, 2008).

Những cơ sở lý thuyết trước đây đã làm sáng tỏ rằng đổi mới sáng tạo chính là một tác nhân tích cực của tăng trưởng kinh tế. Xa hơn, các nghiên cứu liên quan còn cố gắng tìm kiếm đâu là thành phần cơ bản của đổi mới sáng tạo cũng như những biểu hiện cụ thể của đổi mới sáng tạo trong đời sống kinh tế hằng ngày. Cụ thể, kiến thức được xem là thành phần cơ bản của đổi mới sáng tạo trong công nghệ và tri thức quản trị hướng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế (Boekema và cộng sự, 2000). Cơ sở lý thuyết này đã khẳng định lại tầm quan trọng của việc học hỏi cũng như vai trò không thể thiếu của những cơ sở đào tạo, đặc biệt là trường đại học đối với xã hội. Bên cạnh đó, các nhà kinh tế cũng tìm kiếm một thang đo đại diện cho đổi mới sáng tạo trong phạm vi nền kinh tế, và đó chính là các khoản nghiên cứu - phát triển (Development and Research – R&D). Thang đo này có thể được áp dụng đối với cấp độ vi mô (tổ chức kinh tế), cấp độ trung gian (ngành kinh tế) và cấp độ vĩ mô (nền kinh tế). Trong một phân tích tổng quan về R&D, đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế, Ulku (2004) cho thấy rằng các hoạt động nghiên cứu và phát triển mang lại triển vọng tích cực cho nền kinh tế – được đại diện bởi tiêu chí GDP bình quân đầu người. Phát hiện này còn nhất quán ở cả những nền kinh tế đã phát triển và đang phát triển, làm nổi bật vai trò của R&D đến sự tăng trưởng của một nền kinh tế. Cụ thể hơn, những khoản đầu tư vào nghiên cứu và phát triển còn mang lại hiệu quả cao hơn khi hướng đến giáo dục, đặc biệt là giáo dục chuyên nghiệp tại trường đại học (Bilbao-Osorio & Rodríguez-Pose, 2004). Nghiên cứu này cho thấy các khoản R&D vào sản xuất kinh doanh cũng như giáo dục sẽ tạo nên hiệu ứng cộng lực đáng kể cho nền kinh tế, tạo nền tảng cho việc hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Trong các nhân tố của chỉ số đổi mới sáng tạo (Dutta & Lanvin, 2012), nhóm đầu vào bao gồm: (1) thể chế, (2) vốn con người, nghiên cứu và phát triển, (3) cơ sở hạ tầng, (4) trình độ phát triển của thị trường, và (5) trình độ phát triển của doanh nghiệp; nhóm đầu ra bao gồm: (6) sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ, và (7) tác động. Trong đó, kinh tế học thể chế (Acemoglu & Robinson, 2008) đưa ra khung lý thuyết vững chắc về vai trò của nhóm (1), nhóm (4) và nhóm (5) đối với thành quả kinh tế, mà một trong số đó chính là thu nhập dân cư. Kinh tế học nguồn nhân lực (Jones & Romer, 2010) khẳng định vai trò của nhóm (2) và nhóm (6) đối với phát triển và tăng trưởng kinh tế. Vai trò

của nhóm (3) đối với nền kinh tế được kiểm chứng dựa vào sự bùng nổ của hệ thống internet (Czernich và cộng sự, 2011). Hơn nữa, sự kết hợp của các nhóm chỉ số đổi mới sáng tạo được chứng tỏ tác động tích cực đến nhóm (7), tức tác động trực tiếp đối với nền kinh tế. Những sự kết hợp tiêu biểu bao gồm thể chế, cơ sở hạ tầng và tăng trưởng kinh tế (Esfahani & Ramírez, 2003) và thể chế, nguồn nhân lực và phát triển kinh tế (Acemoglu và cộng sự, 2014).

Đổi mới sáng tạo càng thể hiện vai trò của nó một cách rõ rệt hơn trong bối cảnh kỷ nguyên số của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cụ thể, xu thế toàn cầu này làm nổi bật lợi thế của nền kinh tế số trong việc giảm thiểu chi phí sản xuất kinh doanh (Goldfarb & Tucker, 2019). Điều này tạo nên lợi thế cạnh tranh cho nhà sản xuất (Porter, 2008), từ đó giúp ngành nghề và cả nền kinh tế xác định chiến lược cạnh tranh (Porter, 1997), đặc biệt trong bối cảnh thời đại số hướng đến các thành quả kinh tế như phát triển, tăng trưởng và nâng cao chất lượng thu nhập dân cư.

Những nghiên cứu trước đây cung cấp một cơ sở lý thuyết đầy đủ về vai trò của đổi mới sáng tạo đối với thành quả kinh tế. Theo đó, những nghiên cứu thực nghiệm liên quan cũng xác nhận vai trò tích cực của đổi mới sáng tạo đối với các chỉ tiêu kinh tế cụ thể. Khi chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của Việt Nam lần đầu tiên được công bố vào năm 2023, chúng ta cần những bằng chứng thực nghiệm liên quan để làm rõ vai trò của đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, đặc biệt là trên quy mô 63 tỉnh thành. Do đó, bài viết này đánh giá tác động của chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương đối với thu nhập dân cư của mỗi tỉnh thành. Trong đó, tác động của đổi mới sáng tạo được chia nhỏ theo những yếu tố cấu thành của chỉ số này. Bên cạnh mức thu nhập bình quân trong dân cư, bài viết còn đánh giá tác động của chỉ số đổi mới sáng tạo đối với từng nhóm thu nhập.

3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu thu thập

3.1. Mô hình

Bài viết đánh giá tác động của đổi mới sáng tạo đối với thu nhập dân cư dựa vào mô hình hồi quy tuyến tính cho bộ dữ liệu không gian (Cross-Sectional) như sau:

$$Income_i = \beta_0 + \sum_{k=1}^7 \beta_k (Ik0_i) + u_i \quad (1)$$

Trong đó,

$Income_i$: thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành của tỉnh thành i trong năm 2023;

$Ik0_i$ (với $k = 1, \overline{7}$): các thành phần trong chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh thành i trong năm 2023;

u_i : sai số trong mô hình ước lượng.

Ngoài ra, bài viết đánh giá tác động của đổi mới sáng tạo đối với từng nhóm thu nhập của từng địa phương bằng cách thay thế biến được giải thích trong mô hình (1) bởi các nhóm tương ứng. Các nhóm thu nhập này chia thành 5 mức bao gồm: (1) nghèo, (2) cận nghèo, (3) thu nhập trung bình, (4) thu nhập khá; và (5) thu nhập ổn định và cao. Các biến sử dụng trong bài viết này được diễn giải chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1.

Các biến trong mô hình nghiên cứu

Biến	Diễn giải	Đơn vị
<i>Income</i>	Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành theo địa phương	Triệu đồng/tháng
<i>INC1</i>	Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo nhóm 1 (nhóm nghèo) và phân theo địa phương chia theo địa phương	Triệu đồng/tháng
<i>INC2</i>	Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo nhóm 2 (nhóm cận nghèo) và phân theo địa phương chia theo địa phương	Triệu đồng/tháng
<i>INC3</i>	Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo nhóm 3 (nhóm thu nhập trung bình) và phân theo địa phương chia theo địa phương	Triệu đồng/tháng
<i>INC4</i>	Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo nhóm 4 (nhóm thu nhập khá) và phân theo địa phương chia theo địa phương	Triệu đồng/tháng
<i>INC5</i>	Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo nhóm 5 (nhóm thu nhập ổn định và cao) và phân theo địa phương chia theo địa phương	Triệu đồng/tháng
<i>I10</i>	Thế chế (đầu vào trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương)	Chỉ số
<i>I20</i>	Vốn con người và nghiên cứu phát triển (đầu vào trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương)	Chỉ số
<i>I30</i>	Cơ sở hạ tầng (đầu vào trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương)	Chỉ số
<i>I40</i>	Trình độ phát triển của thị trường (đầu vào trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương)	Chỉ số
<i>I50</i>	Trình độ phát triển của doanh nghiệp (đầu vào trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương)	Chỉ số
<i>I60</i>	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ (đầu ra trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương)	Chỉ số
<i>I70</i>	Tác động (đầu ra trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương)	Chỉ số

Nguồn: Các biến thu nhập được tham khảo từ Tổng cục Thống kê (GSO); các thành phần của chỉ số đổi mới sáng tạo được tham khảo từ Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.2. Dữ liệu

Những đặc tính thống kê mô tả của các biến trong mô hình nghiên cứu và ma trận hệ số tương quan giữa các biến giải thích (các thành phần của chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương trong năm 2023) được tổng hợp trong Bảng 2 và Bảng 3. Những thống kê sơ bộ này bước đầu xác nhận tính phù hợp của các biến được sử dụng (không có giá trị ngoại lai đáng kể) cũng như cho thấy không có hiện

tượng đa cộng tuyến hoàn hảo giữa các biến giải thích. Như vậy, các số liệu thống kê cho thấy chúng ta có thể đánh giá tác động của các thành phần đổi mới sáng tạo đối với thu nhập bình quân cũng như từng nhóm thu nhập của 63 tỉnh thành trong năm 2023.

Bảng 2.

Thống kê mô tả của các biến được sử dụng trong mô hình nghiên cứu

Biến số	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Cực tiểu	Cực đại
<i>Income</i>	4,352	1,227	2,182	8,298
<i>INC1</i>	1,465	0,547	0,538	2,943
<i>INC2</i>	2,648	0,966	0,883	5,003
<i>INC3</i>	3,563	1,117	1,358	6,775
<i>INC4</i>	4,824	1,335	2,085	8,790
<i>INC5</i>	9,291	2,381	5,505	18,356
<i>I10</i>	50,003	11,067	27,85	77,16
<i>I20</i>	31,681	10,872	13,72	63,06
<i>I30</i>	49,631	13,225	12,59	82,47
<i>I40</i>	35,328	13,117	14,30	77,81
<i>I50</i>	25,547	12,761	8,40	56,85
<i>I60</i>	25,507	10,984	3,19	63,16
<i>I70</i>	48,087	10,516	20,54	66,21

Bảng 3.

Ma trận hiệp phương sai và hệ số tương quan giữa các biến giải thích

	<i>I10</i>	<i>I20</i>	<i>I30</i>	<i>I40</i>	<i>I50</i>	<i>I60</i>	<i>I70</i>
<i>I10</i>	112,477	29,2337	54,809	31,629	30,328	26,385	30,465
<i>I20</i>	0,243	118,205	54,682	66,718	56,091	57,663	27,582
<i>I30</i>	0,375	0,381	147,889	101,852	95,794	58,139	87,926
<i>I40</i>	0,218	0,468	0,587	172,062	98,583	70,503	69,260
<i>I50</i>	0,215	0,404	0,568	0,589	162,852	54,273	87,579
<i>I60</i>	0,217	0,483	0,400	0,489	0,387	120,653	46,322
<i>I70</i>	0,262	0,241	0,632	0,502	0,653	0,401	110,575

Ghi chú: Phương sai của các biến được tô đậm, hiệp phương sai ở phía trên bên phải, hệ số tương quan ở phía dưới bên trái của bảng.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Bảng 4 trình bày kết quả ước lượng của đổi mới sáng tạo đối với thu nhập dân cư của 63 tỉnh thành trong năm 2023 dựa vào mô hình (1). Kết quả cho thấy 5 trong tổng số 7 thành phần của chỉ số đổi mới sáng tạo có tác động tích cực đối với thu nhập trung bình của dân cư. Các thành phần này lần lượt là cơ sở hạ tầng (*I30*), trình độ phát triển của thị trường (*I40*), trình độ phát triển của doanh nghiệp (*I50*), sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ (*I60*), và tác động của đổi mới sáng tạo (*I70*). Mặt khác, kết quả ước lượng không tìm thấy bằng chứng có ý nghĩa thống kê về tác động của thể chế (*I10*), vốn con người và nghiên cứu phát triển (*I20*) đối với thu nhập dân cư cũng như từng nhóm thu nhập (từ nhóm 1 đến nhóm 5) của các địa phương.

Bảng 4.

Kết quả ước lượng

	<i>Income</i>	<i>INC1</i>	<i>INC2</i>	<i>INC3</i>	<i>INC4</i>	<i>INC5</i>
<i>I10</i>	-0,009 (0,008)	-0,004 (0,004)	-0,001 (0,007)	-0,006 (0,008)	-0,111 (0,008)	-0,024 (0,016)
<i>I20</i>	-0,007 (0,009)	-0,0039 (0,005)	-0,006 (0,008)	-0,010 (0,009)	-0,002 (0,010)	-0,012 (0,019)
<i>I30</i>	0,020** (0,009)	0,007 (0,005)	0,012 (0,008)	0,017* (0,009)	0,016 (0,010)	0,050*** (0,018)
<i>I40</i>	0,020** (0,008)	0,007 (0,004)	0,008 (0,007)	0,006 (0,008)	0,016* (0,009)	0,065*** (0,018)
<i>I50</i>	0,018* (0,009)	0,009* (0,005)	0,017** (0,008)	0,022** (0,009)	0,023** (0,010)	0,019 (0,019)
<i>I60</i>	0,019** (0,009)	0,010** (0,005)	0,014* (0,008)	0,018** (0,009)	0,023** (0,010)	0,028 (0,018)
<i>I70</i>	0,044*** (0,011)	0,020*** (0,006)	0,041*** (0,010)	0,046*** (0,011)	0,054*** (0,012)	0,061** (0,023)
β_0	0,241 (0,487)	-0,239 (0,226)	-0,727 (0,421)	-0,102 (0,488)	0,365 (0,533)	1,934* (1,021)
<i>F</i>	28,04***	18,01***	22,01***	21,79***	27,66***	22,92***
$\overline{R^2}$	0,753	0,658	0,703	0,701	0,751	0,712

Ghi chú: Sai số chuẩn được ghi trong ngoặc đơn ();

*, **, *** lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%;

Thống kê *F* bác bỏ khả năng tất cả các hệ số ước lượng của biến giải thích đều không có ý nghĩa về mặt thống kê ($p - value > 0,1$).

Kết quả ước lượng cho thấy tác động riêng biệt của từng thành phần trong chỉ số đổi mới sáng tạo đối với các nhóm thu nhập khác nhau trên từng địa phương. Cụ thể, thu nhập của hai nhóm nghèo và cận nghèo chỉ chịu tác động của trình độ phát triển doanh nghiệp, sản phẩm tri thức, công nghệ và sáng tạo và thành phần tác động trong đổi mới sáng tạo. Ba thành phần này cũng góp phần tích cực vào thành quả của nhóm thu nhập trung bình và thu nhập khá. Trong đó, nhóm 3 (thu nhập trung bình) được giải thích thêm bởi cơ sở hạ tầng và nhóm 4 (thu nhập khá) được giải thích thêm bởi trình độ phát triển của thị trường. Riêng nhóm 5 (thu nhập cao và ổn định) chỉ được giải thích bởi cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển của thị trường và tác động của đổi mới sáng tạo.

Trong bối cảnh bộ dữ liệu về chỉ số đổi mới cấp tỉnh của Việt Nam được công bố lần đầu tiên vào năm 2023, bài viết đã vận dụng nguồn thông tin này để đánh giá tác động của đổi mới sáng tạo đối với các nhóm thu nhập dân cư. Mặt khác, tính có sẵn của bộ dữ liệu trên 63 tỉnh thành trong thời gian một năm chỉ cho phép áp dụng mô hình hồi quy tuyến tính đối với bộ dữ liệu không gian. Điều này gây ra hạn chế nội tại của nghiên cứu trong phạm vi bài viết. Do tính giới hạn khách quan của bộ dữ liệu nghiên cứu, việc đưa thêm các biến kiểm soát như khu vực địa lý và các đặc điểm nhân khẩu học làm nảy sinh nguy cơ mất bậc tự do trong việc kiểm định sự có ý nghĩa thống kê của các biến giải thích, từ đó làm giảm xác suất bác bỏ các giả thuyết “không”. Những hạn chế này của bộ dữ liệu được kỳ vọng sẽ giải quyết trọn vẹn trong tương lai khi mà dữ liệu của 63 tỉnh thành được thu thập trong nhiều năm, khi đó mô hình hồi quy tuyến tính với hiệu ứng cố định (Fixed Effect) theo không gian (tỉnh thành) cho bộ dữ liệu bảng (Panel Data) sẽ làm rõ hơn tác động chi tiết của đổi mới sáng tạo đối với thu nhập dân cư tại mỗi địa phương Việt Nam.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra mục tiêu tổng quát trong phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021–2025 như sau: *“Bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm 2016–2020, đến năm 2025 là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, nhanh chóng phục hồi kinh tế. Phát huy mạnh mẽ giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức sáng tạo của mỗi cá nhân. Từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo đảm cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân. Bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Chủ trọng bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu. Tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.”*

Theo đó, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu bao gồm:

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.
2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số.
3. Phát triển các vùng và khu kinh tế.
4. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị.

5. Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế.
6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ.
7. Phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với xã hội.
8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
9. Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.
11. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.
12. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường hoà bình và điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.

Trong đó, các thành phần của chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương gắn liền với nhóm các nhiệm vụ và giải pháp từ (1) đến (6). Kết quả thực nghiệm từ bài viết này cho thấy thành quả của đổi mới sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ (2), (3), (4) và (5). Bên cạnh đó, kết quả chưa tìm thấy bằng chứng có ý nghĩa thống kê về thành phần thể chế trong đổi mới sáng tạo tương ứng với nhiệm vụ (1) và thành phần nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển ứng với nhiệm vụ (6).

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy những điểm mạnh và điểm yếu mà các thành phần trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương ảnh hưởng đến thu nhập dân cư. Từ đó, bài viết chỉ ra những điểm chính sau đây:

- *Phát huy thế mạnh sẵn có:* Dựa trên tác động đối với thu nhập dân cư, những thế mạnh sẵn có trong chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương là cơ sở hạ tầng (I30), trình độ phát triển của thị trường (I40), trình độ phát triển của doanh nghiệp (I50), sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ (I60), và tác động của đổi mới sáng tạo (I70). Việc tiếp tục phát huy những thế mạnh này sẽ phù hợp với các giải pháp chủ yếu liên quan đến phát triển kinh tế và xã hội theo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đó là: (1) đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số; (2) phát triển các vùng và khu kinh tế; (3) xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; và (4) tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế.

- *Khắc phục những hạn chế hiện tại:* Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng thể chế (I10), vốn con người và nghiên cứu phát triển (I20) chưa có tác động đáng kể đối với thu nhập dân cư. Điểm này càng trở nên đáng quan ngại hơn khi hai thành phần trên là những yếu tố đầu vào tiên quyết của quy trình đổi mới sáng tạo. Nếu hai thành phần này đồng thời tác động tích cực đến các nhóm thu nhập, nền kinh tế Việt Nam sẽ hưởng được lợi ích kép vì chúng vừa tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, vừa cải thiện mức thu nhập trong dân cư. Nếu nền kinh tế Việt Nam giải quyết được vấn đề này trong giai

đoạn 2026–2030, chúng ta sẽ có điều kiện thuận lợi để hoàn thành hai trong số các nhiệm vụ liên quan đến phát triển kinh tế và xã hội theo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đó là: (1) tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; và (2) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ.

Với những điểm mạnh cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục liên quan đến tác động của chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương đối với thu nhập dân cư, nhóm nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách như sau:

- *Thứ nhất, đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng bao gồm: (1) hạ tầng công nghệ thông tin (ICT)*, bao gồm hạ tầng số và quản trị điện tử; và *(2) hạ tầng chung và môi trường sinh thái*, bao gồm cơ sở hạ tầng cơ bản, tỷ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng và chất lượng quản trị môi trường. Việc phát triển cơ sở hạ tầng trong giai đoạn 2026–2030 được kỳ vọng nâng cao chất lượng đổi mới sáng tạo cũng như cải thiện thu nhập dân cư, đặc biệt đối với các nhóm thu nhập chưa nhận được tác động rõ rệt trong năm 2023, bao gồm: nhóm 1 (nghèo), nhóm 2 (cận nghèo), và nhóm 4 (thu nhập khá).

- *Thứ hai, đẩy mạnh trình độ phát triển của thị trường*: Việc đẩy mạnh trình độ phát triển của thị trường cần tập trung vào: *Tài chính và đầu tư* (bao gồm các chỉ tiêu như: tín dụng cho khu vực tư nhân; tài chính vi mô; vốn sản xuất kinh doanh bình quân hằng năm của các doanh nghiệp; giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp); *quy mô thị trường* (số lượng và chất lượng doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn khoa học và công nghệ). Việc đẩy mạnh trình độ phát triển của thị trường trong giai đoạn 2026–2030 được kỳ vọng nâng cao chất lượng đổi mới sáng tạo cũng như cải thiện thu nhập dân cư, đặc biệt đối với các nhóm thu nhập chưa nhận được tác động rõ rệt trong năm 2023, bao gồm nhóm 1 (nghèo), nhóm 2 (cận nghèo) và nhóm 3 (thu nhập trung bình).

- *Thứ ba, đẩy mạnh trình độ phát triển của doanh nghiệp* dựa trên các tiêu chí của bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương: *(1) lao động có kiến thức* (thông qua gia tăng: tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của doanh nghiệp; tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển); *(2) liên kết sáng tạo*, gồm các tiêu chí: hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức khoa học - công nghệ và doanh nghiệp; tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp; tỷ lệ các dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm công nghiệp; *(3) hấp thu tri thức*, gồm các tiêu chí: đầu tư trực tiếp của nước ngoài; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; số doanh nghiệp có chứng chỉ ISO. Việc đẩy mạnh trình độ phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn 2026–2030 được kỳ vọng nâng cao chất lượng đổi mới sáng tạo cũng như cải thiện thu nhập dân cư, đặc biệt đối với nhóm 5 (có thu nhập cao và ổn định).

- *Thứ tư, đẩy mạnh sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ*. Việc đẩy mạnh các sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ cần tập trung vào: sáng tạo tri thức, thể hiện qua việc đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích và đăng ký giống cây trồng; tài sản vô hình, thể hiện qua việc đăng ký nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, kiểu dáng thiết kế và chỉ dẫn địa lý; lan tỏa tri thức, thể hiện qua số doanh nghiệp đăng ký thành lập, doanh nghiệp khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Việc đẩy mạnh các sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ trong giai đoạn 2026–2030 được kỳ vọng cải thiện thu nhập trong dân cư, đặc biệt đối với nhóm 5 (có thu nhập cao và ổn định).

- *Thứ năm, nâng cao chất lượng thể chế*. Chất lượng thể chế được thể hiện qua môi trường chính sách và môi trường kinh doanh. Nâng cao chất lượng môi trường thể chế, thể hiện qua cải thiện các

chính sách thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế xã hội; thể chế pháp lý và an ninh trật tự; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; giảm chi phí gia nhập thị trường, tạo sự cạnh tranh bình đẳng và gia tăng tính năng động của chính quyền địa phương. Việc nâng cao chất lượng thể chế sẽ góp phần nâng cao chất lượng đổi mới sáng tạo của mỗi địa phương, cũng như gia tăng thu nhập chung và thu nhập của mỗi nhóm thu nhập khác nhau.

- *Thứ sáu, nâng cao chất lượng vốn con người, nghiên cứu và phát triển.* Thông qua chỉ số đổi mới sáng tạo các địa phương cần: nâng cao kỹ năng cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông; tăng tỷ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học và kỹ thuật; gia tăng chi tiêu công cho giáo dục; nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực nghiên cứu và phát triển (làm việc toàn thời gian); gia tăng chi tiêu công cho khoa học và công nghệ, nghiên cứu và phát triển; nâng cao số lượng và chất lượng các tổ chức khoa học và công nghệ. Việc nâng cao chất lượng giáo dục, nghiên cứu và phát triển sẽ góp phần nâng cao chất lượng đổi mới sáng tạo của mỗi địa phương, cũng như gia tăng thu nhập chung và thu nhập của mỗi nhóm thu nhập khác nhau.

Theo đó, chính quyền các cấp (đặc biệt là chính quyền địa phương) đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện nâng cao chất lượng đổi mới sáng tạo cũng như tác động của đổi mới sáng tạo đối với thu nhập dân cư. Việc phối hợp đồng bộ giữa cá nhân, doanh nghiệp, ngành nghề và chính quyền địa phương được kỳ vọng tạo hiệu ứng lan tỏa cộng hưởng giữa các bên, giúp nâng cao thành quả kinh tế của mỗi tỉnh thành cũng như cả nước, hướng đến thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Bảng 5.

Tổng hợp kết quả nghiên cứu và khuyến nghị chính sách

Yếu tố đầu vào của chỉ số đổi mới sáng tạo	Yếu tố đầu ra của chỉ số đổi mới sáng tạo	Kết quả
<i>Cần phát huy:</i> Cơ sở hạ tầng. Trình độ phát triển của thị trường. Trình độ phát triển của doanh nghiệp.	<i>Cần phát huy:</i> Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ. Tác động của đổi mới sáng tạo, bao gồm tác động đến sản xuất kinh doanh và tác động đến kinh tế - xã hội.	Nâng cao chất lượng đổi mới sáng tạo của mỗi địa phương. Cải thiện thu nhập dân cư của mỗi tỉnh thành. Cải thiện mức sống của các nhóm thu nhập, đặc biệt là nhóm 1 (nghèo) và nhóm 2 (cận nghèo).
<i>Cần khắc phục:</i> Thể chế. Vốn con người, nghiên cứu và phát triển.		

Chú thích:

Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Nhà nước mã số: KX.01.02/21-30.

Tài liệu tham khảo

- Acemoglu, D., Gallego, F. A., & Robinson, J. A. (2014). Institutions, human capital, and development. *Annu. Rev. Econ.*, 6(1), 875-912.
- Acemoglu, D., & Robinson, J. A. (2008). Persistence of power, elites, and institutions. *American Economic Review*, 98(1), 267-293.
- Audretsch, D. (2006). *Entrepreneurship, Innovation and Economic Growth*. Edward Elgar Publishing.
- Bilbao-Osorio, B., & Rodríguez-Pose, A. (2004). From R&D to innovation and economic growth in the EU. *Growth and Change*, 35(4), 434-455.
- Boekema, F., Morgan, K., Bakkers, S., & Rutten, R. (2000). *Knowledge, Innovation and Economic Growth*. Edward Elgar Publishing.
- Czernich, N., Falck, O., Kretschmer, T., & Woessmann, L. (2011). Broadband infrastructure and economic growth. *The Economic Journal*, 121(552), 505-532.
- Dutta, S., & Lanvin, B. (2012). *The Global Innovation Index 2012: Stronger Innovation Linkages for Global Growth*. WIPO.
- Esfahani, H. S., & Ramírez, M. T. (2003). Institutions, infrastructure, and economic growth. *Journal of Development Economics*, 70(2), 443-477.
- Goldfarb, A., & Tucker, C. (2019). Digital economics. *Journal of Economic Literature*, 57(1), 3-43.
- Jones, C. I., & Romer, P. M. (2010). The new Kaldor facts: ideas, institutions, population, and human capital. *American Economic Journal: Macroeconomics*, 2(1), 224-245.
- Mankiw, N. G. (2020). *Principles of Economics*. Cengage Learning.
- Porter, M. E. (1997). Competitive Strategy. *Measuring Business Excellence*, 1, 12-17. <http://dx.doi.org/10.1108/eb025476>
- Porter, M. E. (2008). *On Competition*. Harvard Business Press.
- Rosenberg, N. (2006). Innovation and economic growth. In *Innovation and Growth in Tourism*. OECD Publishing.
- Skousen, M. (2015). *The Big Three in Economics: Adam Smith, Karl Marx, and John Maynard Keynes: Adam Smith, Karl Marx, and John Maynard Keynes*. Routledge.
- Solow, R. M. (1956). A contribution to the theory of economic growth. *The Quarterly Journal of Economics*, 70(1), 65-94.
- Tebaldi, E., & Elmslie, B. (2008). Institutions, innovation and economic growth. *Journal of Economic Development*, 33(2), 27-53.
- Ulku, H. (2004). *R&D, innovation, and economic growth: An empirical analysis*. IMF Working Papers 2004/185. International Monetary Fund.
- Verspagen, B. (2005). Innovation and economic growth. In: J. Fagerberg, D. C. Mowery, & R. R. Nelson (Eds.), *The Oxford Handbook of Innovation* (pp. 487-513). Oxford University Press.
- Wong, P. K., Ho, Y. P. & Autio, E. (2005). Entrepreneurship, innovation and economic growth: Evidence from GEM data. *Small Business Economics*, 24(3), 335-350.